TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST Ngày 05-7-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Ngô Thị Thao và bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 817/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: 25/27 đường P, tổ 13, phường T, thành phố P, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc P, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 109 đường N, tổ 11, phường D, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Phạm Ngọc P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G. Vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng dần dần về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P ham mê cá độ bóng đá, không lo làm ăn, vun đắp cho gia đình, mâu thuẫn gay gắt nhất là từ năm 2018, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với ai nữa. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ anh P

nhưng không được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Phạm Ngọc P không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Ngọc P.

Về con chung: Tôi và anh Phạm Ngọc P có với nhau 01 người con chung: Cháu Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/9/2012. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu P và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc P quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, nên không có lời khai tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Phạm Ngọc P tự do đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị T và anh P được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc P và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc P, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đến phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn không nghiêm túc, không tôn trọng pháp luật, thái độ chấp hành pháp luật kém; đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 và phải chịu mọi hậu quả theo Khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh Phạm Ngọc P. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không còn tình thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Chị T xin ly hôn, anh P không phản đối, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập để bị đơn trình bày ý kiến, tham gia hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến, không thể tiến hành hòa giải được. Điều này thể hiện trong ý thức của anh P không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng, không có tư tưởng muốn được chung sống với nhau để đoàn tụ vợ chồng, không có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy cho chị T được ly hôn với anh P là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Phạm Ngọc P có 1 con chung là cháu Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/9/2012. Chị Nguyễn Thị Thùy T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của chị T là chính đáng, hợp pháp, căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu Phạm Nguyễn Thiên P cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[7]Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ

án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Phạm Ngọc P. Giao cháu Phạm Nguyễn Thiên P cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Phạm Ngọc P**.**

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu anh Phạm Ngọc P phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

3.Về tiền án phí:

Chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004335, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến